

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2022

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ - TỈNH HƯNG YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hòa

2. Ông Nguyễn Khánh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Độ, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm
2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị An Thị Lan A, sinh năm 1998 “*có đơn xin xét xử vắng mặt*”

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1990 “*vắng mặt không có lý do*”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần An Xuân D, sinh ngày 25/6/2016 “*vắng mặt*”

Người đại diện hợp pháp cho cháu D: Anh Trần Xuân H và chị An Thị Lan A (là bố mẹ đẻ cháu).

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Ông An Văn T - sinh năm 1977 “*vắng mặt không có lý do*”

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1955 “*vắng mặt không có lý do*”

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị An Thị Lan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân H có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 20/12/2015. Đến tháng 9/2016 vợ chồng chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Hôn nhân giữa chị và anh H là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng (tính từ tháng 12/2015) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên do tính khí anh H rất nóng nảy, không tu trí làm ăn, suốt ngày lêu lổng chơi bời về nhà là gây sự với vợ, không vừa ý là anh chửi bới đánh đập chị. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo, dậy dỗ nhưng anh H không nghe, mà ngày càng hung dữ, chửi đánh chị nhiều hơn, chị không thể chịu đựng sự hành hạ thường xuyên của anh H nên đầu năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh H đã đến nhà chửi bới bố mẹ chị và bắt chị về, nhưng chị không dám về vì sợ anh đánh, chửi, cứ như vậy thì thoảng anh H lại xuống nhà bố mẹ đẻ chị chửi bới chị và gia đình. Không thể nhẫn nhịn được nữa nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H vào tháng 4/2019 sau đó Tòa án nhân dân huyện T đã đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh H, tuy nhiên vợ chồng vẫn sống ly thân không ai quan tâm đến ai, thân ai người đó lo. Chị đã chuyển khẩu về Hộ khẩu gia đình bố đẻ ở thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần An Xuân D, sinh ngày 25/6/2016, hiện nay cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn chị nhường quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho anh H và không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H;

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Trần Xuân H đến Tòa án để lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Ngày 30/11/2021, Tòa án kết hợp cùng chính quyền địa phương xuống tận nhà anh H làm việc, tại buổi làm việc bị đơn anh Trần Xuân H trình bày: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án cũng giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên anh không đến Tòa án làm việc, chị Lan A muốn ly hôn thì tự giải quyết; về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian quen biết, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn giống như chị Lan A trình bày. Riêng về mâu thuẫn của vợ chồng, anh xác định do tính tình không hợp, chị Lan A còn thích chơi, lười lao động, hay dối trá nên vợ chồng xảy cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải động viên nhưng không được. Đến đầu năm 2017 chị Lan A tự ý bỏ về

nhà bố đẻ ở và có làm đơn xin ly hôn đối với anh nhưng sau đó vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện T đình chỉ giải quyết vụ án. Mặc dù vụ án được đình chỉ nhưng anh và chị Lan A vẫn sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị Lan A tiếp tục có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Lan A không còn nên đồng ý ly hôn;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Lan A trình bày, ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đã được nghe đọc biên bản lấy lời khai đồng ý nhưng không ký tên, có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp xã H.

Người làm chứng ông An Văn T là bố đẻ của chị Lan A và bà Đỗ Thị S là mẹ đẻ anh H đều xác định: Anh H và chị Lan A kết hôn với nhau là hoàn tự nguyện, sau đó chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau. Chị Lan A và anh H đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Vợ chồng anh H có 01 con chung.

Ngoài ra bà S xác định các giấy tờ, văn bản tố tụng do Tòa án gửi về cho anh H có lần anh H nhận, có lần bà nhận thay và đưa tận tay cho anh H biết. Sau khi biết anh H từ chối nhận văn bản tố tụng do Tòa án gửi, bà đề nghị Tòa án giao văn bản cho bà nhận thay anh H. Bà cam đoan sẽ thông báo và giao tận tay cho anh H được biết.

Nay trước việc chị Lan A làm đơn ly hôn với anh H, quan điểm của gia đình hai bên là do anh chị tự quyết định.

UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh H và chị Lan A có đăng ký tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 20/9/2016; về tình trạng hôn nhân của anh H, chị Lan A, UBND xã được biết là quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính nết không hòa hợp, đến đầu năm 2017 chị Lan A đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống và đã có đơn xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết, sau đó đình chỉ giải quyết vụ án nhưng chị Lan A cũng không về chung sống cùng anh H, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2016. Nay chị Lan A có đơn xin ly hôn với anh Trần Xuân H tại Tòa án, quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Tại phiên tòa ngày 05/01/2022, vắng mặt anh Trần Xuân H không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Chủ tọa phiên tòa, công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã H, huyện T và các tài liệu khác.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tòa án tiến hành triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, xử cho chị Lan A được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh H được quyền nuôi cháu Trần An Xuân D. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H, không yêu cầu chị Lan A phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Lan A phải nộp phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị An Thị Lan A khởi kiện xin ly hôn anh Trần Xuân H có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Lan A theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 05/01/2022 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 17/01/2022. Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị An Thị Lan A, HĐXX thấy: Chị An Thị Lan A và anh Trần Xuân H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 20/9/2016, sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không tin

tưởng nhau, Chị Lan A cho rằng Huy tính khí nóng nảy, suốt ngày lêu lổng chơi bời, không chí thú làm ăn, hay gây sự với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, anh H nghĩ chị Lan A còn thích chơi, lười lao động, hay dối trá nên vợ chồng xảy cãi vã, xô xát. Nên đầu năm 2017 chị Lan A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không ai quan tâm đến ai, ngoài ra anh H còn đến nhà bố mẹ đẻ chị chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị, trong khoảng thời gian này tháng 4/2019 chị đã làm đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án chị không đến Tòa án làm việc nên Tòa đã đình chỉ vụ án nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không hàn gắn được. Do vậy HĐXX nhận thấy vợ chồng anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, xử cho chị Lan A được ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần An Xuân D, sinh ngày 25/6/2016. Ly hôn anh H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị Lan A phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lan A đồng ý để anh H tiếp tục được nuôi cháu Xuân D và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu D hiện đang ở với anh H, anh H có đủ điều kiện nuôi dạy cháu và có nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục cháu nên HĐXX sẽ giao cháu cho anh H nuôi dưỡng, đến khi cháu tròn 18 tuổi, Do anh H không có yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của anh H.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị An Thị Lan A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Xử:

- 1. Về hôn nhân:* Cho chị An Thị Lan A được ly hôn anh Trần Xuân H.
- 2. Về con chung:* Xử giao cháu Trần An Xuân D, sinh ngày 25/6/2016 cho anh Trần Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi.
Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu, nên không xem xét.
Chị Lan A được quyền thăm nom, chăm sóc cháu Xuân D, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, công sức; nợ nần:* các đương sự không có yêu cầu. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị An Thị Lan A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004523 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Lan A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc

